

Phụ lục II:
KẾ HOẠCH XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN CHÍNH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu USD

STT	Mặt hàng	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	So sánh 2025/2024	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo		Đơn vị thực hiện	
					Chủ trì	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp
TỔNG KIM NGẠCH		62.542	65.000	103,9%			Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Chuyển đổi số
1	Cà phê	5.478	5.500	100,4%	Thứ trưởng Trần Thanh Nam	Thứ trưởng Hoàng Trung		
2	Cao su	3.459	3.300	95,4%				
3	Chè	257,7	270	104,8%				
4	Gạo	5.753	5.700	99,1%				
5	Rau quả	7.119	7.600	106,8%				
6	Hạt điều	4.379	4.500	102,8%				
7	Hạt tiêu	1.317	1.350	102,5%				
8	Sắn và sản phẩm từ sắn	1.156,3	1.300	112,4%				
9	Chăn nuôi	533,6	550	103,1%		Thứ trưởng Phùng Đức Tiến		Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Chuyển đổi số
10	Thủy sản	10.068	10.500	104,3%				Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Chuyển đổi số
11	Lâm sản chính	17.276	18.500	107,1%				Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Chuyển đổi số
12	Sản phẩm khác	5.745	5.880	102,3%			Cục Chuyển đổi số	